

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2022.

V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hoàn; bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2022 về “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tùng G, sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn 4, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Chị G vắng mặt, anh T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tùng G trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn kết hôn ngày 28/6/2021 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp, anh T không có trách nhiệm với vợ con, ngày 14/10/2021, anh T nhắn tin đuổi chị về nhà, không quan tâm hỏi han gì mặc dù lúc đó chị đang mang thai tháng thứ 8. Từ đó, chị và anh T ly thân, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 13/11/2021, khi chị mang thai con tháng thứ 8 thì chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và khi sinh con chị cũng ở nhà của bố mẹ đẻ, đến ngày 15/01/2022, chị đưa con riêng của chị là cháu Đỗ Bảo A đi khám bệnh tại thành phố T thì anh T đến nhà bố mẹ đẻ chị bế con về nhà anh T, chị đã đến để đón con về nhưng anh T cản trở không cho đón nên hiện con đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh C vì con còn quá nhỏ nên rất cần sự nuôi dưỡng và chăm sóc của chị, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng.

Hiện tại chị là Giám đốc Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp xã V, huyện K thu nhập bình quân 4.600.000đ/tháng, hiện nay chị ở cùng mẹ đẻ, đã có đất riêng để làm nhà, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con. Anh T là giáo viên thể dục trường THPT B, thu nhập bình quân từ 9.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng.

Chị và anh T tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về điều kiện và thủ tục kết hôn giữa anh và chị G như chị G đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều khúc mắc, chị G trốn tránh trách nhiệm làm mẹ, làm vợ, làm con trong gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị G xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Anh và chị G có 01 con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/11/2021. Ngay từ khi chưa sinh con chị G đã không muốn nuôi con chung, sau khi sinh con mỗi lần anh đặt vấn đề để nuôi con thì chị G đồng ý ngay. Mặc dù đang trong thời gian ở cữ nhưng chị G rất ít khi cho con bú mà thường xuyên cho con uống sữa ngoài. Ngày 15/01/2022, chị G đưa con riêng đi khám bệnh thì anh đến đón con về nhà, chị G không hỏi han, không thăm con, anh nuôi con bằng sữa ngoài, con khỏe mạnh. Mặt khác, chị G thu nhập thấp và đang ở nhà của mẹ đẻ, nhà chật, môi trường không trong lành, ảnh hưởng đến sức khỏe của con. Anh là giáo viên thể dục trường THPT B, thu nhập bình quân 11.000.000đ/tháng, anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Anh và chị G không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bà Đặng Thị N (mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Tùng G) trình bày:

Chị Nguyễn Thị Tùng G và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, chị G và anh T sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không phù hợp, anh T không có trách nhiệm với vợ và gia đình. Đến tháng 10/2021 anh T nhắn tin đuổi chị G, lúc đó chị G đang mang thai tháng thứ 8, chị G đã về nhà bà sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó. Bà thấy chị G và anh T không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị G ly hôn anh T.

Chị G và anh T có 01 con chung như chị G đã trình bày, từ khi sinh con ra đến khi anh T đưa cháu về nuôi thì cháu ở cùng chị G và gia đình bà. Lý do anh T đưa cháu về nuôi là vì ngày 15/01/2022 chị G đưa con riêng là cháu Đỗ Bảo A đi khám bệnh tại thành phố T, anh T đến bế cháu về, bà ngăn cản nhưng không được. Từ đó nhiều lần chị G đến đón con nhưng anh T cản trở không cho gặp con. Bà đề nghị Tòa án giao con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu còn quá nhỏ, cần có mẹ chăm sóc. Việc cấp dưỡng cho con như thế nào do chị G quyết định. Bà và gia đình sẽ hỗ trợ chị G trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Tài sản của chị G và anh T bà không nắm được, vợ chồng không nợ tổ chức, cá nhân nào.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh T cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị Tùng G có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, anh T và chị G chung sống với nhau tại thôn Đ, xã B một thời gian, sau đó chị G về quê tại xã V sinh sống. Quá trình chung sống, anh T và chị G mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ vì không có ai báo cáo, đề nghị gì. Việc chị G xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị G có 01 con chung như chị G đã trình bày là đúng. Việc giao con cho ai nuôi đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người, đảm bảo quyền lợi cho con, phù hợp quy định của pháp luật. Về tài sản chung của anh T và chị G thì địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

- + Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tùng G và anh Nguyễn Ngọc T.

- + Về nuôi con chung: Xử giao cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/11/2021; anh T phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- + Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- + Chị G phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

- + Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tùng G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T có mặt. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tùng G và anh Nguyễn Ngọc T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. chị G xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị G và anh T ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tùng G và anh Nguyễn Ngọc T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nuôi con chung: Chị G và anh T có 01 con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/11/2021, hiện nay con đang ở cùng anh T. Ly hôn, cả chị G và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, chị G và anh T đều chứng minh điều kiện để nuôi con. Xét yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử thấy: Chị G và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, tuy nhiên, do con còn quá nhỏ (chưa tròn 01 tuổi), đang trong thời gian rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ là chị G. Do đó, cần giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Minh C và buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tùng G tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Ngọc T phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; 203; 235; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tùng G và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Tùng G được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 13/11/2021; anh Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Chị G và anh T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Chị Nguyễn Thị Tùng G tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001572 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí, trả lại chị Giang 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

4.2. Anh Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/6/2022. Chị Nguyễn Thị Tùng G có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã V, huyện K (nơi ĐKKH);
- UBND xã B, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái